

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHỨC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán:

ông Trần Quốc Cường

bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 121/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2025/HC-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259A/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Y Tuân N, sinh năm 1984 và bà **H' Ben Êban**, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn D, phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Minh Đ, sinh năm 1995 (văn bản uỷ quyền ngày 08/11/2024); địa chỉ: thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn H, phường B, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Trung tâm phát triển quỹ đất** thành phố B; địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ban Q).

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trương Văn C1; chức vụ: Phó Giám đốc; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà H Brốp Ê và ông Y N1; địa chỉ: thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, phường B, tỉnh Đắk Lắk); đều vắng mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Y Tuân N và bà H' Ben Niê là ông Lê Minh Đ trình bày có nội dung như sau:*

Gia đình ông bà là chủ sử dụng đối với thửa đất số 1061, tờ bản đồ số 20, diện tích 973m², địa chỉ: xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 513373 do UBND thành phố B cấp ngày 08/12/2016. Nguồn gốc thửa đất do bố ông Y Tuân N là ông Y Khuê Ê1 khai hoang từ năm 1985, đến năm 2003 tặng cho lại gia đình ông bà. Sau khi tặng cho đất từ năm 2003 và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, không tranh chấp với ai.

Ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B đã ban hành Quyết định số 7574/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông để nâng cấp công trình thủy lợi K' Dun, xã C, thành phố B (đợt 4), trong đó thu hồi diện tích là 518m² đất trồng cây lâu năm (bị thiếu 402m²) thuộc một phần thửa đất số 5, theo mảnh trích đo số TĐ 16-2020 ngày 25/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ (trích lục địa chính số 5103/TL-VPĐKĐĐKTĐC ngày 25/5/2021). Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7573/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, trong đó chỉ bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích 518m². UBND thành phố B nêu lý do giảm diện tích đất của gia đình ông là khi cấp đất cho hộ gia đình ông có một phần diện tích đất 402m² chồng lên phần đất của bà H Brốp Ê.

Ông bà không đồng ý với hai quyết định trên. Bởi lẽ, gia đình ông bà đã sử dụng toàn bộ diện tích đất 973m² ổn định từ năm 2003 đến nay, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông bà sử dụng đúng, đủ diện tích được cấp. Thời điểm ông bà được tặng cho đất và làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 thì kết quả đo đạc địa chính đều thể hiện diện tích đất của gia đình ông bà là 973m². Ranh giới sử dụng đất gia đình ông với các hộ xung quanh ổn định từ khi được cấp, không có tranh chấp với ai. Mặt khác, theo sơ đồ thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông thì phần giáp phía Bắc với đất nhà ông là một thửa đất khác, chứ không phải thể hiện đường đi như trích đo số TĐ 16-2020. Và đất bà H Brốp Êban đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó,

không có cơ sở nào khẳng định thửa đất của gia đình ông bà bị cấp chồng lên thửa đất của bà H' Brốp Êban.

Vì vậy, ông bà khởi kiện đề nghị Toà án tuyên:

- Hủy Quyết định số 7574/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất hộ ông Y' Tuân Niê và bà H Ben Ê2 để thực hiện dự án Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4).

- Hủy Quyết định số 7573/QĐ- UBND, ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4).

- Buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Y T đối với diện tích đất thu hồi là 518m², thuộc một phần thửa đất số 1061, tờ bản đồ số 20, được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 513373 ngày 08/12/2016 cho hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày có nội dung như sau:*

Về công tác bồi thường, hỗ trợ:

- Về đất: Nguồn gốc sử dụng thửa đất số 1061, tờ bản đồ số 20, xã C, thành phố B: Ngày 05/12/2016, hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 513373 đối với thửa đất số 1061, tờ bản đồ 20 với diện tích 973m² đất trồng cây hàng năm khác.

Diện tích đất theo trích lục địa chính số 5103/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 25/5/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ là 571m² giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 402m². Lý do giảm: Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Eban có một phần diện tích đất 402m² chồng lên phần đất của bà H Brốp Êban theo Biên bản họp ngày 15/02/2023 và ngày 24/10/2023 (phần diện tích đất 402m² đất trồng cây hàng năm đã được phê duyệt cho bà H Brốp Êban tại Quyết định số 10777/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Nâng cấp công trình thủy lợi K' Dun, xã C, thành phố B - đợt 4. Diện tích đất thu hồi khi thực hiện dự án theo hiện trạng sử dụng của hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban là 518m² đất trồng cây hàng năm; Diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 53m². Do đó, việc ông Y T cho rằng thiếu đất là không có cơ sở xem xét.

- Về cây cối, hoa màu: Thửa đất thu hồi của hộ dân chỉ trồng lúa nước trước thông báo thu hồi đất, trồng đúng mật độ trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường 100% đơn giá. (Căn cứ Quyết định 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 và Quyết định 10/2023 ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Đ).

- Về chính sách, hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Căn cứ theo Khoản 1, Điều 18 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng theo Khoản 6, Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì được hỗ trợ 1.000 đồng/1m².

Mặt khác, tính đến thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý ngày 20/01/2025 thì ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban khởi kiện là 01 năm 22 ngày. Đối chiếu quy định tại điểm a, Khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày có nội dung như sau: thống nhất với quan điểm trình bày của người bị kiện, đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2025/HC-ST ngày 30/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban, cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban về việc hủy Quyết định số 7574/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất hộ ông Y' Tuân Niê và bà H Ben Ê2 để thực hiện dự án Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4).

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban về việc hủy Quyết định số 7573/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4).

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban về việc buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Y T đối với diện tích đất thu hồi là 518m², thuộc một phần thửa đất số 1061, tờ bản đồ số 20, được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 513373 ngày 08/12/2016 cho hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/7/2025, người khởi kiện ông Y Tuân N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện Y Tuân N; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào nội dung kháng cáo, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 11/7/2025, người khởi kiện ông Y Tuân N kháng cáo Bản án sơ thẩm số 89/2025/HC-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Đơn kháng cáo của người khởi kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Y Tuân N, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

Cùng ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B ban hành Quyết định số 7574/QĐ-UBND (Quyết định số 7574) về việc thu hồi đất hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban để thực hiện dự án Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4) và Quyết định số 7573/QĐ-UBND (Quyết định số 7573) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4). Không đồng ý với nội dung tại các Quyết định trên, ngày 11/12/2024, ông ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 7574, 7573 và buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông

Y Tuân N đối với diện tích đất thu hồi là 518m², thuộc một phần thửa đất số 1061, tờ bản đồ số 20, được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CB 513373 ngày 08/12/2016 cho hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban. Hội đồng xét xử thấy rằng, các Quyết định mà người khởi kiện khiếu kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn được quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Đối với Quyết định số 7574/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban để thực hiện dự án Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4):

- *Về thủ tục:* để thực hiện dự án nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4), UBND thành phố B đã thu hồi 518m² diện tích đất trồng cây hàng năm của hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban thuộc một phần thửa đất số 5, mảnh trích đo số TĐ16-2020 (thuộc một phần thửa đất số 1061, tờ bản đồ số 20), tại xã C, thành phố B theo Quyết định số 7574/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Diện tích 518m² nêu trên đã được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ số CB 513373 đối với thửa đất số 1061, tờ bản đồ 20, diện tích 973m² đất trồng cây hàng năm khác cho hộ ông Y Tuân N. Quyết định số 7574 thu hồi đất của hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban là đảm bảo đúng chủ thể; đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 62, 63, 66, 69 Luật Đất đai năm 2013.

- *Về vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi:* tại Quyết định thu hồi đất số 7574 của UBND thành phố B thể hiện: diện tích đất thu hồi đối với hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban là 518m² đất trồng cây hàng năm có vị trí, ranh giới được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 5103/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 25/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ (BL 85). Theo đó, hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban đang sử dụng diện tích 571m², giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 402m²; lý do giảm: khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban có một phần diện tích đất 402m² chồng lên phần đất của bà H Bróp Ê. Nội dung này phù hợp với nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là các biên bản gồm: Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 16/5/2023 (BL 61), Biên bản họp ngày 15/02/2023 về việc xác minh làm rõ nguyên nhân chênh lệch lớn của diện tích đất có bà H' Ben Êban ký xác nhận (BL 55), Biên bản làm việc ngày 07/9/2023 với sự tham gia giữa đại diện Ủy ban nhân dân xã C, Buôn T và các hộ dân đang sinh sống cùng khu dân cư, trong đó có hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban (BL 58), Biên bản điều chỉnh xác minh nguồn gốc đất Dự án: Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B ngày 11/12/2023 (BL 60). Đồng thời, Biên bản họp ngày 24/10/2023 về việc kiểm tra hiện trạng, xác định

ranh giới thửa đất (BL 56) thể hiện: “- Thửa đất số 05 của hộ ông Y Tuân N liền kề với thửa đất số 02 của hộ bà H' Brôp Êban, ranh giới giữa 02 thửa đất là bờ đất trùng khớp với kết quả đo đạc, đúng theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 5103/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 25/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

- Thửa đất số 05 của hộ ông Y Tuân N liền kề với thửa đất số 06 của hộ ông Y Tuyên N2, tại thời điểm kiểm tra ranh giới thửa đất đã có sự biến động, Theo ý kiến của hộ ông Y Tuân N thì ranh giới 02 thửa đất được xác định là cạnh mép ngoài cống nước đã thi công đến giáp ranh với thửa đất của bà H'Brôp Ê3.

2. Kết quả kiểm tra, lồng ghép bản đồ cấp giấy chứng nhận QSD đất.

- Thửa đất có cạnh giáp ranh với thửa đất số 06 của hộ ông Y Tuyên N2, sau khi lồng ghép bản đồ cấp giấy chứng nhận QSD đất trùng khớp với ranh thửa đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

- Thửa đất có cạnh giáp ranh với thửa đất số 02 của hộ bà H Brôp Êban, sau khi lồng ghép bản đồ cấp giấy chứng nhận QSD đất có một phần đất của hộ ông Y Tuân N cấp lên phần đất của bà H'Brôp Ê3”. Quá trình sử dụng đất, hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban sử dụng đất ổn định, có ranh giới, mốc giới với các hộ liền kề rõ ràng được chính quyền địa phương và thôn buôn xác nhận. Phía người bị kiện UBND thành phố B cũng thừa nhận việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Y Tuân N là không đúng với hiện trạng sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định, trong tổng diện tích 973m² đất được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban thì có 402m² diện tích đất bị chồng lên diện tích mà gia đình bà H Brôp Êban đang quản lý, sử dụng. Vì vậy, UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi diện tích 518m² của hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã viện dẫn ở trên.

[2.2.2]. Đối với Quyết định số 7573/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4):

- Về thủ tục: Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 7574/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc thu hồi đất hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban; cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7573/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Nâng cấp công trình thủy lợi K, xã C, thành phố B (đợt 4) đối với ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

- Về nội dung:

+ Bồi thường về đất: như đã nhận định tại mục [2.1] của Bản án, hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban giảm 402m² so với GCNQSDĐ do cấp chồng lên phần đất của bà H Brôp Êban nên xác định diện

tích đất bị thu hồi là 518m², diện tích còn lại là 53m². Do đó, UBND thành phố B bồi thường 100% đất trồng cây hàng năm với diện tích đất thu hồi thực tế là 518m², tổng số tiền bồi thường 62.160.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 4286/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND thành phố B về phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn thành phố B.

+ Bồi thường về cây cối, hoa màu: hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban trồng lúa nước trên diện tích đất bị thu hồi trước khi có thông báo thu hồi đất, cây trồng đúng mật độ trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất nên được bồi thường 100% đơn giá theo quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 10/2023 ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020.

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ khác: do hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tại vị trí đất bị giải tỏa và có nguồn thu thập ổn định từ việc sử dụng sản xuất nông nghiệp, không thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên, đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hưởng trợ cấp xã hội nên đủ điều kiện hỗ trợ. Do đó, UBND thành phố B căn cứ khoản 1 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi với tổng số tiền 62.160.000đ (60.000đ x 2 x 518m²); đồng thời, hộ ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban chấp hành tốt trong việc bàn giao mặt bằng nên được UBND xem xét hỗ trợ 1.000 đồng/m² là phù hợp với khoản 6 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật Đất đai 2013, các Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[3]. Từ các nhận định, phân tích tại mục **[2]** nêu trên của bản án thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y Tuân N và bà H' Ben Êban là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Y Tuân N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2025/HC-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Y Tuân N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2025/HC-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Y Tuân N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000402 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Y Tuân N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên